TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 836/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Minh B, sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà A đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Chị Tống Thị Hồng H, sinh năm 1996 (vắng mặt).
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Anh Lê Minh B và chị Tống Thị Hồng H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/4/2014 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Hiện nay chị H đang chấp hành án phạt tù (án phạt 15 năm 6 tháng tù) tại Trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với chị Tống Thị Hồng H.

Về con chung: Anh B và chị H chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 16/02/2023, chị Tống Thị Hồng H trình bày:

Chị Tống Thị Hồng H kết hôn với anh Lê Minh B vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B. Đến năm 2020, vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn được. Hiện chị H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Lê Minh B.

Về con chung: Chị H và anh B chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt tất cả các đương sự nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Minh B và chị Tống Thị Hồng H hiện lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Lê Minh B được ly hôn đối với chị Tống Thị Hồng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Minh B và chị Tống Thị Hồng H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, anh B và chị H đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn hôn nhân không thể hàn gắn được; chị H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ và đồng ý ly hôn đối với anh B. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Lê Minh B và chị Tống Thị Hồng H đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Các đương sự chưa có con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết

nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Minh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh B.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh B được ly hôn đối với chị Tống Thị Hồng H.

Về con chung: Các đương sự chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Minh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0021423 ngày 27/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng